

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST

Ngày 01-12-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lành

Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 11 năm 2021 và ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 8/36 đường Ký Con, tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Võ Duy H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà 8/36 đường Ký Con, tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-6-2021; bản tự khai ngày 08-7-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Duy H1 tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới kết hôn theo phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 2002. Đăng ký kết hôn vào ngày 31-12-2002 tại Ủy ban nhân dân xã Gào, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc với nhau một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị có quá nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Từ đó, mâu

thuần của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần, hạnh phúc vợ chồng không còn nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, nếu tiếp tục chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Duy H1.

Về nuôi con chung: Chị và anh Võ Duy H1 có với nhau 01 (một) con chung là cháu Võ Thị Hoàng H2, sinh ngày 09-10-2003. Hiện nay cháu H2 đang sống chung cùng với chị tại số nhà 8/36 Ký Con, tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu H2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và tự lập được và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hiếu cho rằng anh H1 hay rượu chè không quan tâm đến gia đình, tình cảm giữa chị và anh H1 mất dần, nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Võ Duy H1. Về con chung, khi chị khởi kiện xin ly hôn anh Võ Duy H1, cháu Võ Thị Hoàng H2, sinh ngày 09-10-2003 là người chưa đủ 18 tuổi, sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng đến nay cháu Võ Thị Hoàng H2 đã thành niên và sống tự lập được, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về địa chỉ của chị, tại đơn khởi kiện chị cung cấp địa chỉ là 36/1 Ký Con, tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nay chị cung cấp lại là 8/36 Ký Con, tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Võ Duy H1 đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh H1 đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa. Tuy nhiên, ngày 12/11/2021 anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung, anh và chị H có 01 người con Võ Thị Hoàng H2, sinh ngày 09-10-2003, nay cháu H2 đã thành niên và sống tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 14-7-2021 tại tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh Võ Duy H1, sinh năm 1980, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hiện nay anh H1 vẫn sinh sống tại đây. Tuy nhiên, anh H1 thường xuyên vắng nhà do đi làm ăn xa nhưng anh H1 vẫn đi đi về về tại địa chỉ này. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Võ Duy H1 và chị Nguyễn Thị H thì địa phương không biết cụ thể, chỉ biết được hiện nay anh H1, chị H đang sống ly thân với nhau.

Tại biên bản làm việc ngày 16-8-2021, cháu Võ Thị Hoàng H2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2003 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Võ Duy H1.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Con đã thành niên và sống tự lập được, tại phiên tòa chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Võ Duy H1, có nơi cư trú tại phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Duy H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Duy H1 theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về địa chỉ của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện chị H cung cấp địa chỉ là 36/1 Ký Con, tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, do viết nhầm trong đơn khởi kiện nay chị H cung cấp chính xác lại địa chỉ là 8/36 Ký Con, tổ 07 phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[4] Về địa chỉ của bị đơn: Tại phiên tòa ngày 10 tháng 11 năm 2021, chị H khai rằng anh H1 có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại tổ 07 phường Y, thành phố

P, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, từ tháng 07 năm 2020, anh H1 đã về thôn 04 xã Chư Á, thành phố P sinh sống cùng với cha mẹ anh H1, nhưng thỉnh thoảng anh H1 có về lại tổ 07 phường Y, thành phố P để thăm con. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập lại địa chỉ của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ nên đã tạm ngừng phiên tòa. Tuy nhiên, đến ngày 12/11/2021 anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung, anh và chị H có 01 người con Võ Thị Hoàng H2, sinh ngày 09-10-2003, nay cháu H2 đã thành niên và sống tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không tiến hành xác minh thu thập địa chỉ của bị đơn là có căn cứ.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Duy H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 31-12-2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Duy H1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như trong việc làm ăn, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Chị H và anh H1 vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau không ai còn quan tâm đến nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn anh, nhưng anh H1 không đến thực hiện quyền của mình, điều này thể hiện anh H1 không quan tâm, bỏ mặc không mong muốn quan hệ hôn nhân này tiếp tục tồn tại. Qua xác minh tại tổ 07 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì địa phương chỉ biết hiện nay vợ chồng anh H1, chị H đang sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị H xác định tình cảm của chị đối với anh H1 không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Duy H1. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/11/2021 anh H1 chấp nhận ly hôn chị H. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Duy H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về nuôi con chung: Chị và anh Võ Duy H1 có 01 con chung là cháu Võ Thị Hoàng H2, sinh ngày 09-10-2003. Tại thời điểm ngày 25-06-2021 chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H1, con chị chưa thành niên, chị có yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị H xác định cháu Võ Thị Hoàng H2 nay đã thành niên, đủ 18 tuổi sống tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con chung, chỉ yêu cầu được ly hôn anh Võ Duy H1. Xét thấy, việc chị H thay đổi yêu cầu là có cơ sở, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Tại phiên tòa chị H đã xác định cháu Võ Thị Hoàng H2, sinh ngày 09/10/2003 đã thành niên và không yêu cầu xem xét về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử đã chấp nhận nên về quan hệ pháp luật tranh chấp Hội đồng xét xử xác định lại về tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Võ Duy H1.

2. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000214 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Gào;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Công Tồn